

Số: **349** /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày **29** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 8 dự án:
Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 3/10/2018 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án tại thành phố Lai Châu và 02 dự án tại huyện Tam Đường;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh thuộc địa bàn thành phố Lai Châu (Bổ sung loại đất);

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 04 dự án trên địa bàn huyện Mường Tè và 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 04 dự án trên địa bàn huyện Mường Tè và 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 19/03/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 265/TTr-TNMT ngày 27/04/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 8 dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là:
102.983.187 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn một trăm tám mươi bảy đồng)..

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	102.983.187 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	42.729.687 đồng
+ Cây cối hoa màu:	1.308.000 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	58.945.500 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án thành phố Lai Châu; Chủ tịch UBND các phường: Tân Phong, Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

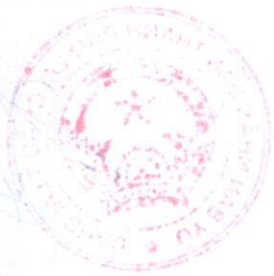
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 8)

Dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: **349** /QĐ-UBND ngày **29** tháng 04 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền	
A	Tổng cộng				102.983.187	
1	Chi trả cho chủ sở hữu				102.983.187	
<i>a</i>	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				42.729.687	
<i>b</i>	<i>Về cây cối hoa màu</i>				1.308.000	
<i>c</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				58.945.500	
B	Chi tiết cho các hộ dân				102.983.187	
	Phường Tân Phong					
1	Hộ gia đình bà Vàng Thị Dương					
	Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					10.009.000
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				10.009.000	
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	2.001,8	5.000	10.009.000	
2	Hộ gia đình bà Vàng Thị Niêng và ông Thào A Sảng					
	Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					1.066.500
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				1.066.500	
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	213,3	5.000	1.066.500	
3	Hộ gia đình ông Thào Văn Đức					
	Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					5.248.000
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				5.248.000	
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	1.049,6	5.000	5.248.000	
4	Hộ gia đình ông Lý Văn Mẫn					
	Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				626.500
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				626.500
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	125,3	5.000	626.500
5	Hộ gia đình ông Lý A Xì				
	Địa chỉ: Bản Tà Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				2.141.500
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				2.141.500
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	428,3	5.000	2.141.500
6	Hộ gia đình ông Lý A Di				
	Địa chỉ: Bản Tà Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				3.667.000
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				3.667.000
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	733,4	5.000	3.667.000
7	Hộ gia đình ông Nguyễn Quang Hưng				
	Địa chỉ: Bản Tà Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				7.209.500
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				7.209.500
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	1.441,9	5.000	7.209.500
8	Hộ gia đình ông Thào Văn Đáp				
	Địa chỉ: Bản Tà Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				291.500
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				291.500
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	58,3	5.000	291.500
9	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Vững				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền
	Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				7.000.000
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				7.000.000
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/hộ	1,0	7.000.000	7.000.000
10	Hộ gia đình ông Vũ Đình Giang				
	Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				7.000.000
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				7.000.000
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/hộ	1,0	7.000.000	7.000.000
11	Hộ gia đình bà Mai Thị Thiêm				
	Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				7.000.000
<i>a</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				7.000.000
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/hộ	1,0	7.000.000	7.000.000
Phân thuộc địa phận Đông Phong					
1	Hộ gia đình ông Đinh Tân Chính				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				19.633.034
<i>a</i>	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				12.439.034
	<i>Truy thu lại một phần tài sản đã được phê duyệt tại Quyết định 2776/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu</i>				
	<i>(Tài sản tạo lập không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất của dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp)</i>				
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,9*2)	m ²	7,8	-83.600	-326.040



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền
	Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp (xây dựng đúng mục đích sử dụng đất hỗ trợ bằng 100% theo mục c khoản 7 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND)				
2	Kè suối xây đá (8*1,7*0,6)	m ³	8,2	-392.700	-3.204.432
3	Kè xây đá (4*1,8*0,6)	m ³	4,3	-392.700	-1.696.464
4	Kè xây đá (3*1,8*0,6)	m ³	3,2	-392.700	-1.272.348
5	Kè đá xây (2.3*13*0.6) giáp bờ suối	m ³	17,9	-392.700	-7.045.038
6	Kè đá xây (2.3*10*0.6) giáp bờ suối	m ³	13,8	-392.700	-5.419.260
7	Kè đá xây (9*0.6*0.5) công vào	m ³	2,7	-392.700	-1.060.290
	Tính bổ sung theo biên bản phúc tra ngày 07/10/2022				
	<i>(Tài sản tạo lập không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất của dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp)</i>				
1	Nền BT đá dăm dày 20 cm (3.9*2) (tính bằng đơn giá nền BT đá dăm 83.600đ *2)	m ²	7,8	167.200	652.080
2	Bình nóng lạnh	binh	1	145.200	72.600
3	Téc nước (hỗ trợ di chuyển bằng bình nóng lạnh)	Bình	1	145.200	72.600
4	Đường dây điện	m	100	4.000	200.000
5	Ống nước PPR Φ 20	m	100	21.273	1.063.650
	Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp (xây dựng đúng mục đích sử dụng đất hỗ trợ bằng 100% theo mục c khoản 7 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND)				
6	Xây đá hộc VXM (8*1,7*0,6)	m ³	8,2	606.100	4.945.776
7	Xây đá hộc VXM (4*1,8*0,6)	m ³	4,3	606.100	2.618.352
8	Xây đá hộc VXM (3*1,8*0,6)	m ³	3,2	606.100	1.963.764
9	Xây đá hộc VXM (2.3*13*0.6) giáp bờ suối	m ³	17,9	606.100	10.873.434
10	Xây đá hộc VXM (2.3*10*0.6) giáp bờ suối	m ³	13,8	606.100	8.364.180
11	Xây đá hộc VXM (9*0.6*0.5) công vào	m ³	2,7	606.100	1.636.470
b	Về cây cối hoa màu trên đất				1.308.000
1	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2-4 m	Cây	1	624.000	624.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền
2	Cây hồng bán kính phát tán từ 2-4 m	Cây	1	540.000	540.000
3	Chậu cây cảnh	Chậu	6	24.000	144.000
c	Về chính sách hỗ trợ				5.886.000
1	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	777,2	5.000	3.886.000
2	Hỗ trợ gia đình chính sách theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ hộ	1,0	2.000.000	2.000.000
2	Hộ gia đình bà Trần Thị Hằng				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				14.962.995
a	Về tài sản vật kiến trúc (phần xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất hỗ trợ bằng 50% theo mục c khoản 7 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND) nhận chuyển nhượng của gia đình ông Đinh Tân Chính năm 2018 tài sản nhà ông Đinh Tân Chính xây dựng từ năm 2011 không bị lập biên bản vi phạm xây dựng				13.162.995
1	Đường dây điện	m	150	4.000	300.000
2	Ống nước PPR Φ 20	m	150	21.273	1.595.475
	Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp				
	Truy thu lại một phần tài sản đã được phê duyệt tại Quyết định 2776/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu				
1	Kè xây đá (2,2*0,6*40)	m ²	52,8	-392.700	-20.734.560
	Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp (xây dựng đúng mục đích sử dụng đất hỗ trợ bằng 100% theo mục c khoản 7 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND)				
1	Xây đá học VXM (2,2*0,6*40)	m ³	52,8	606.100	32.002.080
b	Về chính sách hỗ trợ				1.800.000
	Thường di chuyển đúng tiến độ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ m ²	360	5.000	1.800.000
3	Hộ gia đình ông Lê Văn Dũng				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				17.127.658
a	<i>Về Tài sản vật kiến trúc (Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, gia đình tạo lập năm 2013 là công trình thiết yếu phục vụ cho việc sinh sống của gia đình, xây dựng trên đất đã thu hồi của Nhà nước, tài sản tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án Đường Đỉnh Bộ Lũnh, thành phố Lai Châu, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</i>				17.127.658
	Bóc tách từ cầu bắc qua suối				
1	Tấm đan BTCT (5,1*4*0,25)	m ³	5,1	1.393.700	3.553.935
2	Xây đá hộc VXM (Chân cầu) (1,5*2,9*4,3)*2	m ³	37,4	606.100	11.337.101
3	Cống cuốn Φ 100-300	m	2,5	144.100	180.125
4	Xây đá hộc VXM (0,6*2,9*2,4)	m ³	4,2	606.100	1.265.537
5	Xây đá hộc VXM bị ảnh hưởng (0,6*2,9*1,5)	m ³	2,6	606.100	790.961

